**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Liên kết trong văn bản: Đặc điểm và chức năng)**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Năng lực***

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản.

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

***2.Phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập...

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**Phiếu học tập số 1:**

Đọc ví dụ và hoàn thành các câu hỏi

|  |
| --- |
| VD: (1) Hơn nữa, tự học quả là một phương thuốc trị bệnh âu sầu. (2) Theo bác sĩ E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những bệnh nhân nào biết đọc sách cũng mau khỏe mạnh hơn những bệnh nhân khác. (3) Nhiều bác sĩ Anh và Pháp, sau lời tuyên bố đó, làm những bảng thống kê các bệnh nhân trong các bệnh viện và thừa nhận ông E.Gờ-ron-nơ-veo có lí. *(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích)* |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Qua đoạn văn này, tác giả Nguyễn Hiến Lê đã nêu ý kiến gì? |  |
| (2) Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các câu trong đoạn |  |
| (3) Các câu trong đoạn liên kết với nhau như thế nào? |  |
| (4) Qua việc phân tích VD trên, em hãy nêu đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết? |  |

**Phiếu học tập số 2:**

Nối ví dụ ở cột A với nội dung ở cột B, C để tạo thành các kết luận đúng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Cột C | Nối |
| Ví dụ | Phép liên kết | Nội dung |
| (I) Khi đọc **sách**, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở **sách** ra là ta cũng gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (1) Phép thế | (a) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |  |
| (II) **Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay** đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. **Các thành quả đó** sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (2) Phép lặp từ ngữ | (b) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước |  |
| (III) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là 1 con đường quan trọng của học vấn. **Bởi vì** học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (3) Phép liên tưởng | (c) Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước. |  |
| (IV) Hơn nữa, tự học quả là một **phương thuốc trị bệnh âu sầu**. Theo **bác sĩ** E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những **bệnh nhân** nào biết đọc sách cũng mau **khỏe mạnh** hơn những bệnh nhân khác.(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (4) Phép nối | (d) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. |  |

**Phiếu học tập số 3:**

Đọc lại văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” và trả lời các câu hỏi sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Chỉ ra các từ ngữ dùng để liên kết các đoạn trong văn bản  |  |
| (2) Em hãy cho biết đó là phép liên kết nào? |  |
| (3) Phép liên kết này có gì khác với các phép liên kết được sử dụng trong các ví dụ của phiếu học tập 1, 2. |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Giải ô chữ”**

 ***Luật chơi:***

Ô chữ có 7 từ hàng ngang. HS trả lời các câu hỏi để mở từ hàng ngang. Trả lời được các từ hàng ngang sẽ tìm được từ khóa.



Ô từ khoá: có 07 chữ cái

Hàng ngang 1 (08 chữ cái) : Thể loại của văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích” là gì

Hàng ngang 2 (08 chữ cái) : Tên 1 tác phẩm của nhà văn Thanh Tịnh mà các em đã được học?

Hàng ngang 3 (12 chữ cái) : Tên tác giả của văn bản “Bàn về đọc sách”?

Hàng ngang 4 (07 chữ cái): Văn bản “Tôi đi học” sử dụng ngôi thứ mấy?

Hàng ngang 5 (07 chữ cái) : Đây là nghĩa của từ nào “Đặc điểm về mặt cường độ, nhịp độ các hoạt động tâm lí của cá nhân”?

Hàng ngang 6 ( chữ cái) : Tác giả của văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích” là ai?

Hàng ngang 7 (09 chữ cái) : Tác giả của văn bản “Tôi đi học” là ai?

 Ô từ khoá: LIÊN KẾT

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh chơi trò chơi “Giải ô chữ”.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Tri thức tiếng Việt** |
|  |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV giao nhiệm vụ: ? Liên kết là gì?? Hoàn thành phiếu học tập số 1.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Đọc phần kiến thức ngữ văn để trả lời câu hỏi- Xen lại phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà)**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Trình bày phiếu học tập của mình.- HS khác nhận xét và bổ sung **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  | **I. Tri thức tiếng Việt**1. Đặc điểm và chức năng- Liên kết là 1 trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm cho văn bản trở lên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức.- Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:+ Nội dung các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.+ Các câu các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV giao nhiệm vụ: ? Hoàn thành phiếu học tập số 2.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Đọc phần kiến thức ngữ văn để trả lời câu hỏi- Trình bày phiếu học tập (đã chuẩn bị ở nhà)**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Trình bày phiếu học tập số 2- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. | 2. Một số phép liên kết thường dùng+ Phép lặp từ ngữ+ Phép thế+ Phép nối+ Phép liên tưởng |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV giao nhiệm vụ: ? Hoàn thành phiếu học tập số 3.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Đọc lại văn bản - Trình bày phiếu học tập (đã chuẩn bị ở nhà)**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Trình bày phiếu học tập số 3- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. | 3. Phân biệt:+ Liên kết câu (VD ở phiếu học tập 1,2)+ Liên kết đoạn (Liên kết giữa các đoạn trong văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích”)*\* Lưu ý :* Phép liên kết câu phải được thực hiện ít nhất ở hai câu. Trong một câu thì không gọi là phép liên kết mặc dù vẫn có tác dụng liên kết. |

**Dự kiến sản phẩm các phiếu học tập**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |
| --- |
| VD: (1) Hơn nữa, tự học quả là một phương thuốc trị bệnh âu sầu. (2) Theo bác sĩ E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những bệnh nhân nào biết đọc sách cũng mau khỏe mạnh hơn những bệnh nhân khác. (3) Nhiều bác sĩ Anh và Pháp, sau lời tuyên bố đó, làm những bảng thống kê các bệnh nhân trong các bệnh viện và thừa nhận ông E.Gờ-ron-nơ-veo có lí.(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Qua đoạn văn này, tác giả Nguyễn Hiến Lê đã nêu ý kiến gì? | Ý kiến: Thú tự học là phương thức chữa bệnh âu sầu |
| (2) Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các câu trong đoạn | Câu (1) nêu ý kiến, câu (2) nêu lí lẽ, câu (3) nêu dẫn chứng để làm rõ cho ý kiến nêu ở câu (1) |
| (3) Các câu trong đoạn liên kết với nhau như thế nào? | Các từ “Phương thuốc trị bệnh âu sầu”; “bác sĩ”; “bệnh nhân”; “khỏe mạnh” đều cùng trường liên tưởng “khám chữa bệnh” -> Phép liên tưởng. |
| (4) Qua việc phân tích VD trên, em hãy nêu đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết? | - Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:+ Nội dung các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.+ Các câu các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp. |

**Phiếu học tập số 2:**

Nối ví dụ ở cột A với nội dung ở cột B, C để tạo thành các kết luận đúng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Cột C | Nối |
| Ví dụ | Phép liên kết | Nội dung |
| (I) Khi đọc *sách*, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở *sách* ra là ta cũng gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (1) Phép thế | (a) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước | I-2-c |
| (II) *Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay* đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. *Các thành quả đó* sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (2) Phép lặp từ ngữ | (b) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước | II-1-d |
| (III) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là 1 con đường quan trọng của học vấn. *Bởi vì* học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (3) Phép liên tưởng | (c) Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước. | III-4-b |
| (IV) Hơn nữa, tự học quả là một *phương thuốc trị bệnh âu sầu*. Theo *bác sĩ* E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những *bệnh nhân* nào biết đọc sách cũng mau *khỏe mạnh* hơn những bệnh nhân khác.(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (4) Phép nối | (d) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. | IV-3-a |

**Phiếu học tập số 3:**

Đọc lại văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” và trả lời các câu hỏi sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Trả lời |
| (1) Chỉ ra các từ ngữ dùng để liên kết các đoạn trong văn bản  | Trước hết (đoạn 2) – Hơn nữa (đoạn 4)Tự học (Đoạn 1 -2-4-5) |
| (2) Em hãy cho biết đó là phép liên kết nào? | Phép nốiPhép lặp |
| (3) Phép liên kết này có gì khác với các phép liên kết được sử dụng trong các ví dụ của phiếu học tập 1, 2. | -> Liên kết đoạn |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |
| --- |
| **II. Thực hành tiếng Việt** |
|  |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Hướng dẫn HS làm các bài tập phần “Thực hành TV” (SGK/14-15)****Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:****VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:**Nhiệm vụ**: GV chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu các nhóm làm các bài tập- Nhóm 1: Bài tập 1 (SGK/14)- Nhóm 2: Bài tập 2 (SGK/14)- Nhóm 1: Bài tập 3 (SGK/15)- Nhóm 1: Bài tập 4 (SGK/15)- Nhóm 1: Bài tập 5 (SGK/15)**VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới (HS trong từng nhóm đếm số từ 1 đến 5, HS số 1 của các nhóm vào nhóm A, HS số 2 của các nhóm vào nhóm B, HS số 3 của các nhóm vào nhóm C, HS số 4 của các nhóm vào nhóm D, HS số 5 của các nhóm vào nhóm E) và thực hiện nhiệm vụ mới (Trả lời câu hỏi): ? Khái quát nội dung liên kết văn bản bằng 1 sơ đồ tư duy?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập*****\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).***\* Vòng mảnh ghép*** - 5 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép. - 10 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.**Bước 3: Báo cáo kết quả** - Đại diện 1 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần)  | Bài tập 1 (SGK/14)Phép lặp từ ngữ trong các đoạn trícha. tự học b. sáchc. tôi nhìn, tôi.Bài tập 2 (SGK/14)Phép thế trong những đoạn trícha. *“Nó”* thay thế cho *“sách”*b. *“Con đường này”* thay thế cho *“con đường làng dài và hẹp”*c. *“Họ”* thay thế cho *“mấy cậu học trò mới”*Bài tập 3 (SGK/15)Phép nối trong các đoạn trích:a. *Nhưng*b. *Một là …. Hai là ….*Bài tập 4 (SGK/15)Phép liên tưởng trong đoạn trích:a. *lớp, hình gì treo trên tường, bàn ghế* (trường liên tưởng: lớp học)b. *chán đời, nỗi đau khổ* (trường liên tưởng: Bệnh âu sầu)c. *kẻ giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ - kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai của mình* (trường liên tưởng: quan điểm về kẻ mạnh)Bài tập 5 (SGK/15)Phép nối: *Trước hết…. Hơn nữa ….*Phép lặp: *tự học****=> Liên kết câu và liên kết đoạn văn*** |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Em hãy viết 1 đoạn văn khoảng 200 chữ nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của học sinh hiện nay. Chỉ ra các phép liên kết mà em đã sử dụng trong đoạn

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Về nhà)**

**-** GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ (Báo cáo bài viết vào tiết văn sau).

**-** HS làm việc cá nhân và viết đoạn văn vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Tiết sau)**

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm.

**Hướng dẫn tự học**:

a. Bài vừa học:

- Xem lại các bài tập

b. Bài sắp học:

- Chuẩn bị bài mới: **Đọc mở rộng theo thể loại:** Đừng từ bỏ cố gắng

+ Đọc văn bản (SGK/15-16)

+ Trả lời các câu hỏi phần “Hướng dẫn đọc” (SGK/17) và hoàn thành phiếu học tập.